

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 21-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam

Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm, Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1970 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: tày; chứng minh nhân dân số: 073016601, ngày cấp 15/5/2006, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã H khóa XX, nhiệm kỳ 2016-2021 và đã bị tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo Quyết định số 14/QĐ-HĐND ngày 19/10/2020 của Hội đồng nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 05-QĐ/UBKT ngày 19/10/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1941 và bà Vi Thị T, sinh năm 1945; có vợ là Ma Thị H, sinh năm 1970; có 02 con, con lớn nhất, sinh năm 1989, con nhỏ nhất, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến ngày 26/4/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Mai Tường D, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1984 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: tày; căn cước công dân số: 002084005566, ngày cấp 25/6/2021, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã

H khóa XX, nhiệm kỳ 2016-2021 và đã bị tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 19/10/2020 của Hội đồng nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 04-QĐ/UBKT ngày 19/10/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Tường T, sinh năm 1957 và bà Lý Thị T1, sinh năm 1959; có vợ là Mai Thị V, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến ngày 26/4/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

3. Nguyễn Xuân U, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1974 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; chứng minh nhân dân số: 073024376, ngày cấp 13/9/2017, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trước đây sinh hoạt tại Đảng bộ thị trấn Q, huyện Q đến ngày 05/4/2021 chuyển sinh hoạt Đảng đến Đảng bộ huyện G, tỉnh Hải Dương (Tuy nhiên hiện nay U chưa nộp hồ sơ Đảng đến Đảng bộ huyện G, tỉnh Hải Dương), giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1933 (Đã chết) và bà Vũ Thị V, sinh năm 1933; có vợ là Hà Thị Ánh M, sinh năm 1987, có 04 con; con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2021; có mặt.

4. Nguyễn Thị T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1980 tại Bệnh viện A. Nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Viên chức Trung tâm Văn hóa thông tin và du lịch huyện Q; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; chứng minh nhân dân số: 073110351, ngày cấp 17/01/2017, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 40-QĐ/UBKT ngày 28/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1944 (Đã chết) và bà Triệu Thị T, sinh năm 1948 (đã chết); có chồng là Đinh Quang H, sinh năm 1976, có 02 con; con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/4/2021; có mặt.

5. Trần Thị Nguyễn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1989 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Công trực; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; chứng minh nhân dân số: 073213337, ngày cấp 25/9/2006, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 41-QĐ/UBKT ngày 28/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Q, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; có chồng là Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1982, có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2021; có mặt.

- Bị hại:

+ UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngọc Văn B, sinh năm: 1979, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, Nơi cư trú: thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc. Người được ông Dương Ngọc H ủy quyền tham gia tổ tụng là ông Trương Quốc T1, sinh năm 1980, chức vụ: Phó trưởng phòng KH-HC-TH; nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố G; vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ban quản lý thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn T3, xã H, huyện Q. Người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn T3, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn L1, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Mạc Văn C, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn L1, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn L2, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn L2, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn Trung T4, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Sầm Văn T8, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn T4, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn Quyết T5, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Hoàng Văn T9, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn T5, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn K, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Ông Vũ Seo K1, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện Q, Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn T6, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp là: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn T6, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

+ Ban quản lý thôn T7, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp

pháp là: Ông Nguyễn Công H5, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn T7, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chức danh: Trưởng thôn; vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:*

- + Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1965; vắng mặt có lý do.
- + Ông Lăng Văn K, sinh năm 1960; vắng mặt có lý do.
- + Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1972; vắng mặt có lý do.
- + Ông Lăng Văn X, sinh năm 1976; vắng mặt có lý do.
- + Ông Nông Quốc Đ1, sinh năm 1957; vắng mặt có lý do.
- + Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961; vắng mặt có lý do.
- + Bà Mai Thị V, sinh năm 1987; có mặt.
- + Anh Hoàng Trung T10, sinh năm 1990; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T, sinh năm 1970 trú tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã H từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 06 năm 2020; Mai Tường D, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang là thủ quỹ UBND xã H từ tháng 09 năm 2016 cho đến tháng 06 năm 2020; Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, trú tại: tổ 9 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là kế toán UBND xã H từ ngày 01/01/2016 đến ngày 15/03/2017; Nguyễn Xuân U, sinh năm 1974, trú tại tổ 12 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là kế toán UBND xã H từ ngày 20/10/2017 đến ngày 01/10/2018; Trần Thị Nguyễn H, sinh năm 1989, trú tại tổ 12 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là kế toán UBND xã H từ 20/09/2018 cho đến nay. Trong các năm từ 2016 đến 2019 Hoàng Văn T đã có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn là chủ tịch UBND xã H và là chủ tài khoản của UBND xã H đã ký các chứng từ do kế toán lập để rút tiền từ nguồn ngân sách gồm các nguồn kinh phí cấp hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (*gọi tắt là Thủy lợi phí*), nguồn sự nghiệp giao thông để duy tu, sửa chữa các tuyến đường liên xã (*gọi tắt là Giao thông nông thôn*); nguồn sự nghiệp giao thông theo chương trình dự án LRAMP (*gọi tắt là Lramp*) và nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn, Mai Tường D - thủ quỹ xã thực hiện việc rút tiền tại kho bạc sau đó về nhập quỹ của UBND xã và là người trực tiếp quản lý số tiền và chịu trách nhiệm chi cho các thôn. Ngoài ra, Mai Tường D làm thủ quỹ còn được phân công T các khoản quỹ công chuyên dùng do nhân D đóng góp cho xã gồm các loại quỹ là Quỹ an ninh quốc phòng, quỹ vì người nghèo, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, quỹ giảm nhẹ thiên tai (*gọi chung là quỹ công chuyên dùng*).

Đối với các nguồn ngân sách gồm Thủy lợi phí năm 2016, giao thông nông thôn, nguồn Lramp và nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn Tộc dự toán cấp cho UBND xã H, riêng nguồn Thủy lợi phí từ năm 2017 đến nay Tộc dự toán cấp cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang. Ban quản lý

khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí Thủy lợi phí được cấp, ký hợp đồng về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp với Ban quản lý thủy nông xã H và chi trả giá trị hợp đồng nguồn thủy lợi phí, nhưng do Ban quản lý thủy nông xã H không có tài khoản riêng nên đã lấy tài khoản của UBND xã H để ký hợp đồng và thực hiện việc chi trả nguồn Thủy lợi phí thông qua UBND xã H. Đối với Ban quản lý thủy nông xã H và các thành viên do Chủ tịch UBND xã H kiện toàn, để thực hiện việc nạo vét kênh mương, quản lý vận hành khai thác bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ diện tích tưới T phục vụ sản xuất, Ban quản lý thủy nông xã H đã ký kết hợp đồng với tổ thủy nông của thôn, đại diện là Trưởng thôn, số tiền chi trả thủy lợi phí được thanh toán cho các Trưởng thôn của UBND xã H theo từng năm từ năm 2016 cho đến nay.

Đối với quỹ công chuyên dùng do Mai Tường D T của các thôn, D phải có trách nhập quỹ tiền mặt để gửi số tiền T được vào tài khoản tiền gửi của UBND xã H tại Kho bạc nhà nước.

Từ năm 2016 đến năm 2019 để chiếm đoạt số tiền ngân sách được cấp nêu trên Hoàng Văn T và Mai Tường D đã thống nhất không thực hiện chi cho các thôn ngay mà sử dụng tiền vào mục đích chi T cá nhân trước, còn lại mới chi cho các thôn sau. Mai Tường D sau khi T số tiền Quỹ công chuyên dùng của các năm, D và T đã thống nhất không nhập quỹ tiền mặt để gửi số tiền T được vào tài khoản tiền gửi của UBND tại Kho bạc nhà nước mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Các kế toán UBND xã H các năm 2016 đến năm 2019 là Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H đều biết việc T và D không thực hiện chi đủ nguồn ngân sách, thiếu đơn đốc, kiểm tra việc T chi mà vẫn tiến hành quyết toán đầy đủ số tiền được cấp, tạo điều kiện cho Hoàng Văn T và Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô của mình. Cụ thể các năm như sau:

*** Năm 2016:**

Đối với nguồn tiền ngân sách được cấp, Hoàng Văn T đã ký các chứng từ do kế toán Nguyễn Thị T lập để rút tổng số tiền là 202.900.000đ (*Hai trăm linh hai triệu chín trăm nghìn đồng*) gồm tiền Thủy lợi phí là 108.200.000đ (*một trăm linh tám triệu hai trăm nghìn đồng*) tại giấy rút tiền mặt ngày 16/12/2016; Nguồn Giao thông nông thôn là 94.700.000đ (*Chín mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) tại giấy rút tiền mặt ngày 19/12/2016. Sau khi Mai Tường D (thủ quỹ) đã thực hiện việc rút tiền, kế toán lập các phiếu T và phiếu chi để D thực hiện quản lý và chi trả tiền. D không thực hiện chi ngay số tiền trên theo quy định mà đưa cho T số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) vào ngày 19/12/2016. Số tiền còn lại, từ tháng 01/2017 đến ngày 05/5/2017 (*là ngày kế toán quyết toán xong các khoản tiền với phòng tài chính huyện*), D đã chi cho các thôn với tổng số tiền là 95.558.000đ (*Chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*) của nguồn tiền Thủy lợi phí và Giao thông nông thôn, số tiền chi cụ thể cho từng thôn D chi theo phiếu chi do D lập và ghi tại quyển sổ tay của D. Trên các phiếu chi D lập đều có ký, ghi rõ họ tên vào mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn nhận tiền ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nhận*” và trong quyển sổ tay màu đen của D lập đều có chữ ký, ghi rõ họ

tên ở phần người chi tiền và người nhận tiền. Ngoài ra các thôn Tân Thành; thôn Chang và thôn Luông còn ký vào quyển sổ tay của D với nội dung nhận tiền. Số tiền chưa thanh toán cho các thôn là 107.342.000đ (*Một trăm linh bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), trong đó: thôn Tân Thành 4.164.000 đồng; thôn Linh 7.500.000 đồng; thôn Thác 11.740.000 đồng; thôn Kim Tiến 11.170.000 đồng; thôn Thượng 11.040.000 đồng; thôn Lái 13.660.000 đồng; thôn Đoàn Kết 700.000 đồng; thôn Chang 14.438.000 đồng; thôn Luông 7.430.000 đồng; thôn Quyết Thắng 12.950.000 đồng; thôn Trung Tâm 12.550.000 đồng.

Ngày 17/05/2017, Nguyễn Thị T, kế toán xã đã thực hiện quyết toán xong các khoản tiền ngân sách năm 2016 đã được cấp với phòng Tài chính - kế hoạch huyện Bắc Quang. Sau đó, từ ngày 18/5/2017 đến ngày 14/8/2017 Mai Tường D tiến hành chi cho 02 thôn với tổng số tiền là 22.207.500đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*), cụ thể, chi cho thôn Quyết Thắng 6.930.000 đồng tại phiếu chi ngày 22/05/2017 và thôn Trung Tâm 15.277.500 đồng tại các phiếu chi ngày 18/05/2017 và ngày 14/08/2017. Như vậy, số tiền thủy lợi phí và giao thông nông thôn năm 2016 chưa chi cho các thôn là 85.134.500đ (*Tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Đối với nguồn quỹ công chuyên dùng, Mai Tường D T được tổng số tiền 25.034.000đ (*Hai mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) của 09 thôn như sau: thôn Lái 3.200.000 đồng tại phiếu T ngày 27/09/2016; thôn Chang 2.958.000 đồng tại phiếu T ngày 29/09/2016; thôn Trung Tâm 4.437.000 đồng tại phiếu T ngày 11/10/2016; thôn Đoàn Kết 2.244.000 đồng tại phiếu T ngày 18/10/2019; thôn Luông 2.100.000 đồng tại phiếu T ngày 07/11/2016; thôn Kim Tiến 1.269.000 đồng tại phiếu T ngày 14/11/2016; thôn Quyết Thắng 3.050.000 đồng tại phiếu T ngày 14/11/2016; thôn Thác 3.876.000 đồng tại phiếu T ngày 16/11/2016; thôn Thượng 1.900.000 đồng tại phiếu T ngày 12/12/2016. Khi các thôn nộp tiền, D lập các phiếu T và ký, ghi rõ họ tên vào mục “*Thu quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ tên vào mục “*Người nộp tiền*”. Số tiền quỹ T được D chỉ đưa cho Nguyễn Thị T số tiền 21.059.000đ (*Hai mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng*) để nộp tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang vào ngày 21/12/2016, giữ lại số tiền 3.975.000đ (*Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng cộng năm 2016, Hoàng Văn T và Mai Tường D tham ô chiếm đoạt tổng số tiền là 111.317.000đ (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*) của nguồn tiền thủy lợi phí, giao thông nông thôn và quỹ công chuyên dùng. Trong đó, không chi theo quy định là 107.342.000đ (*Một trăm linh bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và không nộp tiền quỹ công chuyên dùng T được vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Bằng Hành tại Kho bạc nhà nước là 3.975.000đ (*Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Sau thời điểm quyết toán, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã chi khắc phục số tiền 22.207.500đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*), còn lại 89.109.500đ (*Tám mươi chín triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm đồng*) chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

* Năm 2017:

Đối với nguồn tiền ngân sách được cấp và chi hộ Hoàng Văn T đã ký các chứng từ do kế toán là Nguyễn Xuân U lập đề rút tổng số tiền là 203.272.739đ (*Hai trăm linh ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*), trong đó: nguồn Thủy lợi phí: 92.068.739đ (*Chín mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*), gồm các giấy rút tiền mặt ngày 08/02/2018 rút 43.611.739đ (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm mười một nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*) và ngày 11/6/2018 rút 48.457.000đ (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*); Nguồn Giao thông nông thôn: 87.120.000đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) theo giấy rút tiền mặt ngày 28/12/2017; Nguồn dự án LRAMP: 11.984.000đ (*Mười một triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) theo giấy rút tiền mặt ngày 15/12/2017; Nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn: 12.100.000đ (*Mười hai triệu một trăm nghìn đồng*) rút ngày 12/12/2017. Sau khi Mai Tường D đã thực hiện việc rút tiền, kế toán lập các phiếu T và phiếu chi để D thực hiện quản lý và chi trả tiền.

Mai Tường D đã thực hiện chi tiền của ba nguồn thủy lợi phí, giao thông nông thôn, Lramp cho ba thôn với số tiền 37.757.000đ (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng*), cụ thể: thôn Thác 8.100.000 đồng tại phiếu chi ngày 16/01/2018; thôn Thượng 7.650.000 đồng tại phiếu chi ngày 16/01/2018; thôn Lái 22.007.000 đồng tại trang 27 quyển sổ tay màu đen của D. Trên các phiếu chi và ký, ghi rõ họ tên vào mục “*Thu quỹ*”, đại diện các thôn nhận tiền ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nhận*” và trong quyển sổ tay màu đen của D lập có chữ ký và ghi rõ họ tên ở phần “*người nhận tiền*”. Số tiền không chi còn lại là 153.415.739đ (*Một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*), D không chi đúng cho các đối tượng được hưởng, cụ thể: thôn Tân Thành 24.003.000 đồng; thôn Linh 18.728.000 đồng; thôn Thác 22.268.980 đồng; thôn Kim Tiến 37.026.000 đồng; thôn Đoàn Kết 14.400.000 đồng; thôn Chang 6.840.000 đồng; thôn Luông 6.840.000 đồng; thôn Quyết Thắng 7.560.000 đồng; thôn Trung Tâm 23.740.000 đồng và 2.482.759 đồng của nguồn Thủy lợi phí chưa phân bổ cho thôn nào.

Đối với nguồn hỗ trợ hợp thôn, sau khi rút số tiền 12.100.000đ (*Mười hai triệu một trăm nghìn đồng*), D chỉ chi cho thôn Luông số tiền là 1.100.000 đồng. Số tiền không chi còn lại là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

Đối với nguồn quỹ công chuyên dùng Mai Tường D thu được tổng số tiền 29.409.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng*) của 11 thôn như sau: thôn Lái 3.056.000 đồng tại các phiếu thu ngày 20/05; 20/07 và 28/11/2017; thôn Chang 1.592.000 đồng tại các phiếu thu ngày 19/05 và 14/07/2017; thôn Trung Tâm 4.437.000 đồng tại phiếu thu ngày 18/05 và 23/06/2017; thôn Đoàn Kết 1.000.000 đồng tại phiếu thu 22/05/2017; thôn Luông 2.000.000 đồng tại phiếu T ngày 22/05 và 23/10/2017; thôn Linh 3.437.000 đồng ngày 22/05; 14/07; 19/09 và 22/12/2017; thôn Kim Tiến 1.682.000 đồng tại phiếu thu ngày 19/05 và 13/07/2017; thôn Quyết Thắng 1.608.000 đồng tại phiếu thu ngày 22/05/2017; thôn Thác 3.344.000 đồng tại phiếu thu ngày 18/05/2017 và 23/06/2017; thôn

Thượng 2.000.000 đồng tại phiếu thu ngày 07/06 và 17/07/2017; thôn Tân Thành 5.253.000 đồng tại phiếu thu ngày 30/05 và 29/06/2017. Khi các thôn nộp tiền, D lập các phiếu thu và ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nộp tiền*”. Toàn bộ số tiền T được nêu trên, D không làm thủ tục nộp vào quỹ tiền mặt của UBND xã H và nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc theo quy định.

Tổng cộng năm 2017, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô tổng số tiền là 193.824.739đ (*Một trăm chín mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*) của bốn nguồn tiền Thủy lợi phí, Giao thôn nông thôn, Dự án Larpmp, Hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên dùng T được từ nhân D. Trong đó, T và D thống nhất không chi số tiền theo quy định là 164.415.739đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*), không nộp vào tài khoản tạm gửi của UBND xã Bằng Hành tại Kho bạc là 29.409.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng*). Hoàng Văn T và Mai Tường D chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

* Năm 2018:

Đối với nguồn tiền ngân sách được cấp và chi hộ Hoàng Văn T đã ký các chứng từ do kế toán là Trần Thị Nguyễn H lập để rút tổng số tiền 167.140.000đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó nguồn Thủy lợi phí: 68.940.000đ (*Sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) rút ngày 10/12/2018 và ngày 31/01/2019; Nguồn Giao thông nông thôn: 38.250.000đ (*Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) rút ngày 18/01/2019; Nguồn LRAMP: 46.750.000đ (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), rút ngày 18/01/2019; Nguồn tiền chi hỗ trợ hợp thôn: 13.200.000đ (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*), rút ngày 30/12/2018. Sau khi Mai Tường D (*thủ quỹ*) đã thực hiện việc rút các khoản tiền, kế toán lập các phiếu T và phiếu chi để D thực hiện quản lý và chi trả tiền.

Đối với các nguồn Thủy lợi phí, nguồn Giao thông nông thôn, nguồn Dự án LRAMP, Hoàng Văn T đã chỉ đạo Mai Tường D chi tạm ứng cho 11 thôn với tổng số tiền 110.000.000 đồng, mỗi thôn 10.000.000 đồng. Tổng số tiền chưa thanh toán cho các thôn là 43.940.000đ (*Bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Đối với số tiền từ nguồn chi hỗ trợ hợp thôn Mai Tường D chỉ chi cho 03 thôn với tổng số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), gồm: thôn Luông, thôn Linh và thôn Quyết Thắng mỗi thôn 1.200.000 đồng, việc chi không lập chứng từ, biên nhận, số tiền còn lại 9.600.000đ (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) D không chi.

Đối với nguồn quỹ công chuyên dùng Mai Tường D thu được tổng số tiền 14.733.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*) của 09 thôn, cụ thể: thôn Lái 1.000.000 đồng tại phiếu thu 05/12/2018; thôn Chang 1.566.000 đồng tại phiếu thu 24/07/2018 và 20/11/2018; thôn Trung Tâm 2.349.000 đồng tại phiếu thu 22/05/2018; thôn Đoàn Kết 1.188.000 đồng tại phiếu thu 20/07; 14/08 và 21/09/2018; thôn Linh 1.474.000 đồng tại phiếu T 04/09 và 26/12/2018; thôn Kim Tiến 1.566.000 đồng tại phiếu thu 16/10/2018; thôn Quyết Thắng 1.809.000 đồng

tại phiếu thu 20/07/2018; thôn Thượng 1.000.000 đồng tại phiếu thu 30/07/2018; thôn Tân Thành 2.781.000 đồng tại phiếu thu 19/07/2018. Khi các thôn nộp tiền, D lập các phiếu thu và ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nộp tiền*”. Toàn bộ số tiền T được nêu trên, D không làm thủ tục nộp vào quỹ tiền mặt của xã Bằng Hành, không nộp vào tài khoản tiền gửi của UBND xã H tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Tổng cộng năm 2018, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô số tiền là 68.273.000đ (*Sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) của bốn nguồn tiền ngân sách nhà nước Thủy lợi phí, giao thôn nông thôn, Dự án Larpmp, hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên dùng T được từ nhân D. Trong đó, T và D thống nhất không chi theo quy định 53.540.000đ (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), không nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc là 14.733.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Hoàng Văn T và Mai Tường D chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

* Năm 2019:

Đối với nguồn tiền ngân sách được cấp và chi hộ Hoàng Văn T đã ký các chứng từ do kế toán là Trần Thị Nguyễn H lập để rút tổng số tiền 130.100.000đ (*một trăm ba mươi triệu một trăm nghìn đồng*) cụ thể: Nguồn Thủy lợi phí là 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*), trong đó: ngày 28/5/2019 rút 30.700.000đ (*Ba mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*), ngày 17/01/2020 rút 38.400.000đ (*Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*); Nguồn dự án LRAMP rút ngày 21/01/2020 là 61.000.000đ (*Sáu mươi một triệu đồng*).

Đối với nguồn dự án LRAMP, sau khi Mai Tường D (thủ quỹ) thực hiện việc rút tiền, kế toán lập các phiếu T và phiếu chi để D thực hiện quản lý và chi trả tiền. Mai Tường D đã chi đủ số tiền 61.000.000đ (*Sáu mươi một triệu đồng*) cho 11 thôn, khi chi D lập phiếu chi và ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn nhận tiền ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nhận*”.

Đối với nguồn Thủy lợi phí, sau khi Mai Tường D rút số tiền 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*), kế toán Trần Thị Nguyễn H (đồng thời là thành viên Ban quản lý thủy nông xã Bằng Hành, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thu chi, cung cấp chứng từ để quyết toán) đã lập phiếu thu trình chủ tài khoản là Hoàng Văn T ký nhưng không lập phiếu chi tiền để trình chủ tài khoản duyệt chi cho thủ quỹ chi tiền cho các đối tượng. Trong khi H, D đã cung cấp cho Vi Thị Nga các chứng từ để chuyển cho Ban quản lý khai thác công trình Thủy lợi Tộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang vào ngày 12/12/2019. Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô nguồn tiền Thủy lợi phí là 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*).

Đối với nguồn quỹ công chuyên dùng Mai Tường D thu được tổng số tiền 23.424.000đ (*Hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), của 11 thôn, cụ thể: thôn Lái 2.808.000 đồng tại phiếu T 30/12/2019; thôn Chang 1.566.000 đồng tại phiếu thu 23/10/2019; thôn Trung Tâm 1.044.000 đồng tại phiếu thu 30/12/2019; thôn Đoàn Kết 1.180.000 đồng tại phiếu thu 18/06/2019, 23/07/2019 và 10/09/2019; thôn Luông 2.100.000 đồng tại phiếu thu 19/02/2020; thôn Linh

1.500.000 đồng tại phiếu thu 22/10/2019 và 15/01/2020; thôn Kim Tiến 1.566.000 đồng tại phiếu T 23/10/2019; thôn Quyết Thắng 1.809.000 đồng tại phiếu thu 06/11/2019; thôn Thác 4.100.000 đồng tại phiếu thu 25/02/2020; thôn Thượng 2.970.000 đồng tại phiếu thu 20/09/2019 và 25/02/2020; thôn Tân Thành 2.781.000 đồng tại phiếu thu 05/09/2019. Khi các thôn nộp tiền, D lập các phiếu thu và ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nộp tiền*”. Toàn bộ số tiền thu được nêu trên, D không làm thủ tục nộp vào quỹ tiền mặt của xã Bằng Hành và nộp vào tài khoản tạm gửi của UBND xã tại Kho bạc theo quy định.

Đối với nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn, kế toán xã là Trần Thị Nguyễn H không tham mưu rút tiền để chi cho các thôn, mà thực hiện việc chuyển nguồn sang năm 2020, đến ngày 17/12/2020 đã chi đủ tổng số tiền 34.100.000đ (*Ba mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*) cho các thôn.

Tổng cộng năm 2019, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô số tiền 92.524.000đ (*Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) của nguồn tiền Thủy lợi phí 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*) và nguồn quỹ công chuyên dùng 23.424.000đ (*Hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*). Hoàng Văn T và Mai Tường D chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đối với vi phạm về công tác tài chính của các Đảng viên, Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã Bằng Hành đã tiến hành kiểm tra đối với những người liên quan. Sau khi Ủy ban kiểm tra Đảng ủy tiến hành kiểm tra, ngày 25/02/2020 và 27/02/2020 Mai Tường D và Hoàng Văn T đã dùng tiền cá nhân chi trả khắc phục các nguồn tiền Thủy lợi phí; Giao thông nông thôn; LRAMP; Nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn từ năm 2016 đến 2018 đã chiếm đoạt là 185.206.811đ (*một trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm linh sáu nghìn, tám trăm mười một đồng*). Ngày 24/6/2020, Hoàng Văn T sử dụng tiền của cá nhân đưa cho Trần Thị Nguyễn H số tiền 83.139.000đ (*tám ba triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng*) để nộp vào tài khoản tạm gửi của UBND xã Bằng Hành mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang, khắc phục nguồn quỹ công chuyên dùng từ năm 2016 đến năm 2019.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số: 200 ngày 05/10/2020; số 38 ngày 10/03/2021; số 50 ngày 02/04/2021; số 54, 55, 56 ngày 02/04/2021 trưng cầu Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu là phiếu thu, phiếu chi tiền; các báo cáo thu - chi ngân sách xã; chứng từ nguồn thủy lợi phí; các phiếu thu, chi do Mai Tường D lập chứng từ nguồn giao thông nông thôn, chứng từ nguồn Lramp của xã H từ năm 2016 đến năm 2020.

Tại các Bản kết luận giám định số: 352/KL - PC09 ngày 17/11/2020; 144/KL-PC09 ngày 16/04/2021; 176/KL-PC09 ngày 18/05/2021; số 178/KL-PC09 ngày 24/05/2021; 179/KL-PC09 ngày 17/05/2021 và 180/KL-PC09 ngày 27/05/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

Chữ ký của Hoàng Văn T dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Hoàng Văn T trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1923; 1995; 2042; 2077).

Chữ ký của Mai Tường D dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Mai Tường D trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1891-1892; 1950).

Chữ ký của Nguyễn Thị T dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1891; 2077).

Chữ ký của Nguyễn Xuân U dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân U trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 2077).

Chữ ký của Vi Thị Nga dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Vi Thị Nga trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1925).

Chữ ký của Nguyễn Thị H - trưởng thôn dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H - trưởng thôn Tân Thành trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1923; 1951; 1996).

Chữ ký của Nguyễn Văn Đ - trưởng thôn Luông dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Đ - trưởng thôn Luông trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1996; 2043; 2078).

Chữ ký của Nguyễn Văn H - trưởng thôn Thượng dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H - trưởng thôn Thượng trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1950; 1996; 2043; 2078).

Chữ ký của Nguyễn Công H - trưởng thôn Kim Tiến dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Công H - trưởng thôn Kim Tiến trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1924; 1951; 1995; 2043; 2078).

Chữ ký của Lăng Văn X - trưởng thôn Linh dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Lăng Văn X - trưởng thôn Linh trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1924; 1951; 1995; 2043; 2078).

Chữ ký của Lăng Văn K - trưởng thôn Chang dưới các tiêu đề khác nhau trên một số chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Lăng Văn K - trưởng thôn Chang trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1924; 1951; 1995; 2043; 2078).

Chữ ký của Hoàng Văn L - trưởng thôn dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Hoàng Văn L - trưởng thôn Thác trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1925; 1951; 1996).

Chữ ký của Nông Quốc Đ - trưởng thôn dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nông Quốc Đ - trưởng thôn trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1892; 1950; 2043).

Chữ ký của Nguyễn Đình T1 - trưởng thôn Thác dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T1 - trưởng thôn Thác trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1951; 1996; 2078).

Chữ ký của Sầm Văn T2 - trưởng thôn Trung Tâm dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Sầm Văn T2 - trưởng thôn Trung Tâm trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1951; 1996; 2078).

Chữ ký của Vũ Seo K1 - trưởng thôn Đoàn Kết dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Vũ Seo k1 - trưởng thôn Đoàn kết trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1924; 1951; 1995; 2078).

Chữ ký của Chu Thị N - trưởng thôn dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Chu Thị N - trưởng thôn Lái trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1924; 2042).

Chữ ký của Nguyễn Văn M - trưởng thôn dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn M - trưởng thôn Quyết Thắng trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1925; 1995).

Chữ ký của Hoàng Văn S dưới các tiêu đề khác nhau trên một sổ chứng từ giám định so với chữ ký đứng tên Hoàng văn S trên các mẫu so sánh là do một người ký ra (Bút lục số 1925).

Chữ viết đứng tên Hoàng Văn T3, dưới mục “Người nộp”, “Người nhận” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết đứng tên Hoàng Văn T3 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra (Bút lục số 1951; 1995).

Chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Đ1, dưới mục “Người nộp”, “Người nộp tiền”, “Người nhận” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Đ1 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra. (Bút lục số 1951).

Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T4, dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B”, “TRƯỞNG THÔN” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A78 đến A80 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T4 trên các mẫu so sánh ký hiệu M68 do cùng một người viết và ký ra. (Bút lục số 1997).

Đối với những chữ ký, chữ viết trên những tài liệu giám định khác, các Kết luận giám định nêu không đủ cơ sở kết luận. Tuy nhiên, những người đứng tên chữ viết, chữ ký trên các tài liệu đó thừa nhận đó là chữ viết, chữ ký của mình.

Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang và UBND xã H trình bày: Đối với số tiền Hoàng Văn T, Mai Tường D tham ô, sau khi Ủy ban kiểm tra Đảng ủy tiến hành kiểm tra, ngày 25/02/2020 và 27/02/2020 Mai Tường D và Hoàng Văn T đã nộp khắc phục số tiền là 185.206.811đ (*một trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm linh sáu nghìn, tám trăm mười một đồng*). Ngày 24/6/2020, Hoàng Văn T nộp số tiền khắc phục nguồn quỹ công chuyên dùng là 83.139.000đ (*tám ba triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng*) vào tài khoản tạm gửi của UBND xã H mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang là đã khắc phục xong hoàn toàn khoản tiền tham ô quỹ công chuyên dùng từ năm 2016 đến năm 2019, số tiền bị cáo T nộp thừa của khoản quỹ công chuyên dùng là 11.598.000 đồng đã được UBND xã H tính cùng với khoản tiền khắc phục của các nguồn Thủy lợi phí, giao thông nông thôn, Larp, hỗ trợ hợp thôn, vậy số tiền các bị cáo tham ô chưa khắc phục là 175.385.428 đồng của nguồn Thủy lợi phí, giao thông nông thôn, Larp, hỗ trợ hợp thôn đề nghị các bị cáo phải hoàn trả cho bị hại để chi trả cho các thôn. Với tư cách là đại diện của bị hại, đối với hành vi tham ô của T và D, hành vi vi phạm của các kế toán Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bà Mai Thị V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã H, tỉnh Hà Giang là vợ của Mai Tường D và bản thân D đã dùng tiền của hai vợ chồng tự nguyện nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang số tiền 69.100.000đ (*sáu chín triệu một trăm nghìn đồng*) ngày 18/02/2021 và số tiền 39.000.000đ (*ba mươi chín triệu đồng*) ngày 05/08/2021. Anh Hoàng Trung T10, sinh năm 1990, nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang là con trai của Hoàng Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*) ngày 29/03/2021. Nay bà Mai Thị V, anh Hoàng Trung T10 không yêu cầu các bị cáo D, T phải hoàn trả lại số tiền đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo nữa, bà V, anh T10 chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo D, T.

Đối với Số tiền tham ô còn lại Mai Tường D và Hoàng Văn T chưa khắc phục là 34.285.428đ (*Ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*), đến ngày 14/01/2022 Hoàng Văn T đã tự nguyện nộp 34.285.428đ (*Ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng*) tại Chi cục Thi hành án D sự huyện Bắc Quang số tiền theo biên lai số 0001728

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang và UBND xã H chi trả đúng theo quy định số tiền đã tham ô chưa khắc phục là 175.385.428đ gồm nguồn Thủy lợi phí, Giao thông nông thôn, Larp và nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn cho các thôn chưa nhận được tiền theo quy định, còn về hành vi tham ô của Hoàng Văn T, Mai Tường D và hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các kế toán Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H họ không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 57 /CT-VKSBQ ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân D huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo:

- Hoàng Văn T, Mai Tường D về tội Tham ô tài sản quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U phạm về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Trần Thị Nguyễn H về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau khi xem xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm c, d, đ khoản 2, khoản 5 Điều 353; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 17 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; xử phạt bị cáo Mai Tường D từ 04 năm 03 tù đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo T, D tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến ngày 26/4/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 điều 7, điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân U từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360, điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị Nguyễn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Do bị cáo Nguyễn Xuân U hiện là lao động tự do, không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Xuân U. Khấu trừ một phần thu

nhập từ 05 % đến 20% để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Thị Nguyễn H, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Xuân U phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Hoàng Văn T liên quan đến quản lý tài chính ngân sách từ 01 năm - 02 năm; cấm bị cáo Mai Tường D làm công việc thủ quỹ từ 01 năm - 02 năm; cấm bị cáo Trần Thị Nguyễn H, Nguyễn Xuân U và bị cáo Nguyễn Thị T làm công việc kế toán từ 01 năm - 02 năm. Do bị cáo T và D đã mất việc làm và là lao động chính trong gia đình nên không phạt tiền đối với bị cáo T và D.

Về trách nhiệm D sự: Áp dụng Điều 580 Bộ luật D sự, các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 69.100.000đ của Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang và số tiền 106.285.428đ của UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang là 175.385.428^d (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai T tiền số 0001508 ngày 28/10/2021 và biên lai số 0001728 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP intel CORE i3, màu xám, mặt sau màu đen, mặt bàn phím bị bong 5 phím, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 dây nguồn máy tính màu đen; 01 (một) chuột máy tính không dây, màu đen, viền xanh, nhãn hiệu Fuhlen, cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong là công cụ, phương tiện để bị cáo Mai Tường D nên đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với những tài liệu chứng cứ đang được lưu trong hồ sơ vụ án đề nghị tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án gồm: Hồ sơ thanh quyết toán nguồn tiền: Thủy lợi phí của UBND xã H các năm từ 2016 đến 2019; Giao thông nông thôn của UBND xã Bằng Hành các năm từ 2016 đến 2018, Dự án LRAMP của UBND xã H các năm từ 2017 đến 2019, nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn của UBND xã H từ năm 2016 đến 2019; 06 quyền phiếu chi do Mai Tường D lập từ năm 2016 đến 2019 khi chi các nguồn tiền Thủy lợi phí; Giao thông nông thôn; LRAMP và chi khắc phục vào tháng 02/2020, có chữ ký, chữ viết của D tại mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn nhận tiền ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nhận*”; 05 quyền phiếu thu do Mai Tường D lập từ năm 2016 đến 2019 khi thu nguồn quỹ công chuyên dùng, có chữ ký, chữ viết của D tại mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nộp tiền*”; 01 quyển sổ bìa màu đen khổ A5, là sổ ghi chép cá nhân của Mai Tường D gồm 51 (*năm mươi mốt*) trang, được ghi chữ cả hai mặt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công D có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, nhưng trước đó họ đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, do vậy căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn T là người chỉ đạo Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản, Tộc trưởng hợp đồng phạm giản đơn như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, vật chứng đã thu giữ, các Bản kết luận giám định tài liệu (*chữ viết, chữ ký*) số: 352/KL - PC09 ngày 17/11/2020; 144/KL-PC09 ngày 16/04/2021; 176/KL-PC09 ngày 18/05/2021; số 178/KL-PC09 ngày 24/05/2021; 179/KL-PC09 ngày 17/05/2021 và 180/KL-PC09 ngày 27/05/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D đều thừa nhận: Để có tiền tiêu dùng cho cá nhân nên trong thời gian Hoàng Văn T đảm nhiệm chức vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có nhiệm vụ điều hành chung về tài chính ngân sách phê duyệt quyết toán ngân sách hàng năm. Mai Tường D là thủ quỹ UBND xã H có nhiệm vụ quản lý quỹ tiền mặt, tiêu, chi theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã thực hiện 02 lần trở lên hành vi tham ô tài sản từ năm 2016 đến năm 2019, cụ thể:

Lần 01: Năm 2016, Hoàng Văn T và Mai Tường D tham ô chiếm đoạt số tiền là 89.109.500đ (*Tám mươi chín triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm đồng*)

của nguồn tiền thủy lợi phí, giao thôn nông thôn và quỹ công chuyên dùng. Trong đó, không chi theo quy định là 85.134.500đ (*Tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) và không nộp tiền quỹ công chuyên dùng T được vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Bằng Hành tại Kho bạc nhà nước là 3.975.000đ (*Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) quỹ công chuyên dùng.

Lần 02: Năm 2017, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô số tiền là 193.824.739đ (*Một trăm chín mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*) của bốn nguồn tiền Thủy lợi phí, Giao thôn nông thôn, Dự án Larpmp, Hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên dùng thu được từ nhân dân. Trong đó, T và D thống nhất không chi số tiền theo quy định là 164.415.739đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*), không nộp vào tài khoản tạm gửi của UBND xã H tại Kho bạc là 29.409.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng*) quỹ công chuyên dùng.

Lần 03: Năm 2018, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô số tiền là 68.273.000đ (*Sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) của bốn nguồn tiền ngân sách nhà nước Thủy lợi phí, giao thôn nông thôn, Dự án Larpmp, hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên dùng thu được từ nhân dân. Trong đó, T và D thống nhất không chi theo quy định 53.540.000đ (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), không nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc là 14.733.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*) quỹ công chuyên dùng.

Lần 04: Năm 2019, Hoàng Văn T và Mai Tường D đã tham ô số tiền 92.524.000đ (*Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) của nguồn tiền Thủy lợi phí và nguồn quỹ công chuyên dùng. Trong đó, T và D đã không chi nguồn tiền Thủy lợi phí là 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*) và không nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc nguồn quỹ công chuyên dùng là 23.424.000đ (*Hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

[5] Các Bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D đã trên hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 443.731.239đ (*Bốn trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*), trong đó nguồn ngân sách gồm nguồn kinh phí cấp hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (*gọi tắt là Thủy lợi phí*), nguồn sự nghiệp giao thông để duy tu, sửa chữa các tuyến đường liên xã (*gọi tắt là Giao thôn nông thôn*); nguồn sự nghiệp giao thông theo chương trình dự án LRAMP (*gọi tắt là Lramp*) và nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn với tổng số tiền là 372.190.239đ (*ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*) đây là tiền ngân sách nhà nước do UBND xã H và Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang có trách nhiệm quản lý và thực hiện việc chi trả theo hợp đồng ký kết cho các thôn và chiếm đoạt số tiền quỹ công chuyên dùng là 71.541.000đ (*Bảy mươi một triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*) đây là số tiền nhân D đóng góp cho UBND xã H gồm các loại quỹ là Quỹ an ninh quốc phòng, quỹ vì người nghèo, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, quỹ giảm nhẹ thiên tai, nên hành vi của các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D đã phạm vào tội "Tham ô

tài sản" với các tình tiết định khung, tội danh và hình phạt được quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....

2. Phạm tội Tộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;"

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H đều thừa nhận: Các bị cáo đã không thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của kế toán, không tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc tiêu chi các nguồn tiền ngân sách của từng năm, không thực hiện việc kiểm quỹ tiền mặt là nguyên nhân, điều kiện để bị can Hoàng Văn T, Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản, cụ thể:

[7] Năm 2016, bị cáo Nguyễn Thị T là kế toán UBND xã H vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện đôn đốc, kiểm tra việc tiêu chi các nguồn tiền thủy lợi phí, giao thông nông thôn và quỹ công chuyên dùng, không thực hiện việc kiểm quỹ tiền mặt, là nguyên nhân, điều kiện để bị can Hoàng Văn T, Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản, chiếm đoạt số tiền là 111.317.000đ (*một trăm mười một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*).

[8] Năm 2017, Nguyễn Xuân U là kế toán UBND xã H từ tháng 5/2017 đến tháng 10/2018 không thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của kế toán, không tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc tiêu chi các nguồn tiền Thủy lợi phí, Giao thông nông thôn, Dự án Larp, Hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên dùng, không thực hiện việc kiểm quỹ tiền mặt, là nguyên nhân, điều kiện để bị can Hoàng Văn T, Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản, chiếm đoạt số tiền 193.824.739đ (*một trăm chín mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

[9] Năm 2018, 2019 Trần Thị Nguyễn H trong thời gian làm kế toán UBND xã H từ tháng 11/2018 đến nay, không thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của kế toán, không tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc tiêu chi các nguồn tiền Thủy lợi phí, giao thông nông thôn, Dự án Larp, hỗ trợ hợp thôn và nguồn quỹ công chuyên

dùng, không thực hiện việc kiểm quỹ tiền mặt là nguyên nhân, điều kiện để bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản, chiếm đoạt số tiền 160.797.000đ (*một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

[10] Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U đã phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, quy định như sau:

“1. Người nào vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao gây hậu quả nghiêm trọng, nếu không Tộc trường hợp quy định tại các điều 144, 235 và 301 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”.

[11] Hành vi của bị cáo Trần Thị Nguyễn H phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định như sau:

“1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao Tộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không Tộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

d, Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

[12] Hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm uy tín, tính đúng đắn trong hoạt động của cơ quan Nhà nước do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện nhiệm vụ, xâm phạm quan hệ sở hữu tài sản của cơ quan Nhà nước - Là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, làm mất niềm tin của nhân D gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội do đó cần phải xử lý về hình sự. Các bị cáo là người có trình độ, hiểu biết pháp luật và giữ chức vụ quyền hạn trong cơ quan Nhà nước nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có một mức án phù hợp đối với mỗi bị cáo về hành vi phạm tội đã gây ra.

[13] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo: Trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo Hoàng Văn T là người chỉ đạo bị cáo Mai Tường D thực hiện hành vi tham ô tài sản nên bị cáo T giữ vai trò chính, phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo D. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải; trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, trong quá trình công tác, các bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, bị cáo Hoàng Văn T có bố đẻ là người có công với Đất nước, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo Mai Tường D có ông nội được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng "Có công với nước", có bố được UBND huyện tặng giấy khen hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo là

người D tộc thiểu số. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[14] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người thân là người có công với Cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo T là người D tộc thiểu số nên có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công D ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[15] Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[16] Do bị cáo Nguyễn Xuân U hiện là lao động tự do, không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Xuân U. Khấu trừ một phần thu nhập 05 % để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Thị Nguyễn H, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

[17] Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Xuân U phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

[18] Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ một thời gian nhất định đối với bị cáo Hoàng Văn T liên quan đến quản lý tài chính ngân sách; cấm bị cáo Mai Tường D làm công việc thủ quỹ; cấm bị cáo Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H và bị cáo Nguyễn Thị T làm công việc kế toán. Do bị cáo T và D đã mất việc làm và là lao động chính trong gia đình nên không phạt tiền đối với bị cáo T và D.

[19] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của bị hại là 175.385.428đ, trong đó

hoàn trả số tiền 69.100.000 đồng cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang và hoàn trả số tiền 106.285.428đ cho UBND xã H. Tại giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử các bị cáo đã nộp tổng số tiền 175.385.428đ cho cơ quan điều tra và chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Xét yêu cầu của các bị hại là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật, nên buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang số tiền là 69.100.000đ, hoàn trả cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 106.285.428đ, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang là 175.385.428^d (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai T tiền số 0001508 ngày 28/10/2021 và biên lai số 0001728 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc quang.

[20] Về vật chứng: Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP intel CORE i3, màu xám, mặt sau màu đen, mặt bàn phím bị bong 05 phím, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 dây nguồn máy tính màu đen; 01 chuột máy tính không dây, màu đen, viền xanh, nhãn hiệu Fuhlen, cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, xét thấy đây là công cụ, phương tiện để bị cáo Mai Tường D thực hiện hành vi phạm tội nên cần Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[21] Đối với những tài liệu chứng cứ đã được lưu trong hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án gồm: Hồ sơ thanh quyết toán nguồn tiền: Thủy lợi phí của UBND xã Bằng Hành các năm từ 2016 đến 2019; Giao thông nông thôn của UBND xã Bằng Hành các năm từ 2016 đến 2018; Dự án LRAMP của UBND xã H các năm từ 2017 đến 2019; Nguồn tiền hỗ trợ hợp thôn của UBND xã H từ năm 2016 đến 2019 (Đưa vào hồ sơ vụ án); 06 quyển phiếu chi do Mai Tường D lập từ năm 2016 đến 2019 khi chi các nguồn tiền Thủy lợi phí, Giao thông nông thôn, LRAMP và chi khắc phục vào tháng 02/2020, có chữ ký, chữ viết của D tại mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn nhận tiền ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nhận*” (Đưa vào hồ sơ vụ án); 05 quyển phiếu thu do Mai Tường D lập từ năm 2016 đến 2019 khi thu nguồn quỹ công chuyên dùng, có chữ ký, chữ viết của D tại mục “*Thủ quỹ*”, đại diện các thôn ký, ghi rõ họ và tên vào mục “*Người nộp tiền*” (Đưa vào hồ sơ vụ án); 01 quyển sổ bìa màu đen khổ A5, là sổ ghi chép cá nhân của Mai Tường D gồm 51 (*năm mươi mốt*) trang, được ghi chữ cả hai mặt (Đưa vào hồ sơ vụ án).

[22] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[23] Đối với ông Hoàng Văn S, sinh năm 1983, trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là Phó Chủ tịch UBND xã H, Trưởng Ban quản lý thủy nông xã H năm 2016 và ông Ngọc Văn B, sinh năm 1979, trú tại: Thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là Phó Chủ tịch UBND xã H, Trưởng Ban quản lý thủy nông xã H từ năm 2017 đến năm 2019 có trách nhiệm quản lý phụ trách chung hoạt động của Ban quản lý thủy nông xã. Hàng năm Ban quản lý thủy nông xã khi có thay đổi về

thành viên (*Kế toán ngân sách xã*) đều đã được UBND xã kiện toàn lại, có ban hành quy chế hoạt động phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong ban, trong toàn bộ quá trình triển khai các công việc của nguồn Thủy lợi phí và nghiệm T các công trình với Ban quản lý khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Hà Giang (*Trực Tộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang*) đều đạt 100% so với hợp đồng ban đầu. Tuy nhiên trong việc thanh toán và cung cấp chứng từ phục vụ quyết toán nguồn tiền Thủy lợi phí hàng năm không phải do ông Hoàng Văn S và ông Ngọc Văn B trực tiếp thực hiện mà do Kế toán ngân sách xã thực hiện. Ban quản lý Thủy nông xã không có sổ tài khoản riêng, nên việc rút và chi trả tiền do kế toán xã trực tiếp tham mưu cho Chủ tịch UBND xã, sau đó Chủ tịch UBND xã giao cho thủ quỹ (*là thành viên của Ban quản lý thủy nông*) thực hiện. Việc thủ quỹ, không chi hết tiền cho các thôn mà sử dụng vào mục đích cá nhân và các mục đích khác, ông Hoàng Văn S và Ngọc Văn B không biết, không nắm được (*vì không phải chủ tài khoản*) và cũng không được hưởng lợi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Đối với bà Vi Thị N, sinh năm 1979, trú tại: Thôn T, xã H, huyện BQ, tỉnh Hà Giang là Công chức địa chính nông - lâm - nghiệp xã H, kiêm Phó trưởng ban quản lý thủy nông xã từ năm 2016 đến năm 2019. Hàng năm có nhiệm vụ quản lý tổng hợp toàn bộ các công trình thủy lợi của xã, trực tiếp điều hành công tác nạo vét các tuyến kênh mương. Sau khi thực hiện xong khối lượng công việc và tiến hành nghiệm thu xong thì đều do Kế toán ngân sách xã (*là thành viên của Ban quản lý thủy nông xã*) trực tiếp tham mưu cho Chủ tịch UBND xã giao cho thủ quỹ (*là thành viên của Ban quản lý thủy nông*) chi tiền cho các đối tượng được nhận, sau đó cung cấp chứng từ cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Giang để thực hiện quyết toán với Sở Tài chính tỉnh Hà Giang. Do bà N thường xuyên liên hệ công việc với Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Giang nên khi kế toán, thủ quỹ hoàn thành xong chứng từ thanh toán, bà N đã liên hệ gửi cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Giang, việc thủ quỹ không chi hết tiền cho các đối tượng được nhận bà N không biết, không nắm được và cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm c, d, đ khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 580 của Bộ luật dân sự đối với bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Mai Tường D;

Căn cứ điểm d khoản 1 khoản 4 Điều 360, điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị Nguyễn H;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Xuân U và bị cáo Nguyễn Thị T;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D phạm tội “*Tham ô tài sản*”. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 04 năm 06 tháng tù và bị cáo Mai Tường D 04 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến ngày 26/4/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân U 02 năm cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Thị Nguyễn H 01 năm 06 cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Thị T 01 năm cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Do bị cáo Nguyễn Xuân U hiện là lao động tự do, không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Xuân U. Khấu trừ một phần thu nhập 05 % đối với bị cáo Trần Thị Nguyễn H và bị cáo Nguyễn Thị T để sung quỹ nhà nước, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Xuân U phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Hoàng Văn T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý tài chính ngân sách thời hạn là 01 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù; cấm bị cáo Mai Tường D làm công việc thủ quỹ thời hạn là 01 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù; cấm bị cáo Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H và bị cáo Nguyễn Thị T làm công việc kế toán thời hạn là 01 năm. Do bị

cáo T và D đã mất việc làm và là lao động chính trong gia đình nên không phạt tiền đối với bị cáo T và D.

4. Về bồi thường thiệt hại: Các Bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 69.100.000đ của Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang và số tiền là 106.285.428đ của UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang là 175.385.428^d (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001508 ngày 28/10/2021 và biên lai số 0001728 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc quang.

5. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP intel CORE i3, màu xám, mặt sau màu đen, mặt bàn phím bị bong 5 phím, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 dây nguồn máy tính màu đen; 01 chuột máy tính không dây, màu đen, viền xanh, nhãn hiệu Fuhlen, cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 28-10-2021 và biên lai thu số 0001508 ngày 28/10/2021, biên lai số 0001728 ngày 14/01/2022).

6. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T, Mai Tường D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân U, Trần Thị Nguyễn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- UBKT huyện ủy BQ;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Giang;
- UBND xã Bằng Hành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

- UBND thị trấn Việt Quang;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.